

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2021/HSST
Ngày 26-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Thu Hiền;

- Ông Lại Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Trung Anh - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2021/TLST-HS, ngày 05 tháng 04 năm 2021 đối với bị cáo: **Vũ Thị T**, sinh năm 1964, tại thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà 24, ngõ 217, đường P1, tổ P2, phường P3, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1 (đã chết) và bà Vũ Thị T2; có chồng là Trần Văn T3 (đã chết); có 1 con sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không, bị bắt tạm giữ từ ngày 20-11-2020 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo được trích xuất, có mặt tại tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H - Văn phòng Luật sư Thái Bình, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình.

- Bị hại:

1. Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 16A, ngõ 356, đường V, tổ 10, phường V1, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Lê Văn T4, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 16A, ngõ 356, đường V, tổ 10, phường V1, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Vũ Duy T5, sinh năm 1962 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 09, ngõ 73, đường C, tổ 8, phường P3, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Hồng M1, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 14, ngõ 356, tổ 10, phường V1, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Đường số 6, khu đô thị G, Phường V1, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Ngô Văn D, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 85, Đường C, tổ 8, phường P3, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước nên bị cáo Vũ Thị T thường hay đến nhà của vợ chồng chị Hoàng Thị M, sinh năm 1982 và anh Lê Văn T4, sinh năm 1981; cùng trú tại: Số nhà 16A, ngõ 356, đường V, tổ V1, phường V1, thành phố B, tỉnh Thái Bình chơi. Khoảng đầu tháng 11-2020, khi đến nhà của chị M và anh T4 chơi, bị cáo T nhìn thấy ở trên bàn uống nước để 01 chùm chìa khóa, lúc này trong nhà chỉ có con của chị M và anh T4 ở nhà nên bị cáo T nảy sinh ý định sẽ trộm cắp tài sản trong nhà của chị M và anh T4, bị cáo T đi đến bàn uống nước trong nhà của chị M và anh T4 cầm chùm chìa khóa mang ra khu vực chợ V1 thuê một người nam giới làm nghề đánh chìa khóa đi lưu động, bị cáo T không biết tên, tuổi địa chỉ của người này, để làm thêm chùm chìa khóa đúng như chùm chìa khóa của nhà chị M và anh T4 mà bị cáo T đưa cho người này, tiền thuê làm chìa khóa hết 20.000 đồng. Mục đích bị cáo T làm thêm 01 chùm chìa khóa là để khi có điều kiện thuận lợi sẽ dùng chùm chìa khóa này mở khoá cửa của nhà chị M và anh T4 để trộm cắp tài sản. Sau đó, bị cáo T cầm chùm chìa khóa vừa lấy được mang về và để trả lại chùm chìa khóa vào chỗ cũ trên bàn uống nước trong nhà của chị M và anh T4 còn chùm chìa khóa mới làm được bị cáo T mang về nhà cất giấu. Khoảng 13 giờ, ngày 16-11-2020, lúc này trời mưa, bị cáo T lấy chùm chìa khóa cất giấu trong nhà, lấy xe đạp mini màu đen, mặc áo mưa màu xanh chấm bi, đội nón lá để đi đến nhà của chị M và anh T4, khi đi mang theo 01 áo mưa màu hồng và 01 mũ bảo hiểm màu vàng. Khi đi đến khu

vực chợ P2, thành phố B, bị cáo T mang xe đạp mini màu đen vào gửi ở bãi gửi xe của chợ P2 sau đó cởi áo mưa màu xanh chấm bi cùng nón lá để lại ở giỏ xe đạp mini rồi mặc áo mưa màu hồng, đội mũ bảo hiểm màu vàng rồi đi bộ đến nhà chị M. Khi đến trước cửa nhà chị M và anh T4, thấy cổng và cửa nhà có khóa, không thấy có ai ở nhà, vì trời mưa nên khu vực xung quanh nhà chị M và anh T4 không có người qua lại, bị cáo T lấy dùng chùm chìa khóa mang theo để mở cổng và mở cửa nhà của chị M và anh T4, khi vào trong nhà của chị M và anh T4, bị cáo T dùng tay phải ngắt cầu dao điện của nhà chị M và anh T4 làm mất điện, làm cho camera an ninh trong nhà của chị M và anh T4 không hoạt động được. Bị cáo T đi vào trong nhà quan sát thấy ở phòng ngủ có 01 két sắt mini kích thước (46x36x35)cm, bị cáo T dùng chìa khóa mang theo để mở két sắt nhưng không mở được, chiếc chìa khóa bị kẹt lại ở ổ khóa của két sắt, thấy vậy bị cáo T bê két sắt ra lấy 01 áo mưa màu tím trong nhà của chị M và anh T4 để bọc lấy két sắt, rồi lấy 01 xe đạp trẻ em màu hồng để chở chiếc két sắt ra khỏi nhà của chị M và anh T4. Khi dong xe đạp chở theo két sắt đi ra đến trước cổng của nhà chị M và anh T4 thì bị cáo T làm xe đạp đổ nghiêng, lúc này chị Nguyễn Thị Hồng M1, sinh năm 1990; trú tại: Số nhà 14, ngõ 356, tổ 10, phường V1, thành phố B, tỉnh Thái Bình đi làm qua nhìn thấy, tưởng người đi đường bị đổ xe, nên chị M1 đi đến dừng, đỡ hộ xe cho bị cáo T rồi chị M1 tiếp tục đi làm. Bị cáo T dắt xe đạp ra đầu ngõ 350 đường V, để xe và két sắt tại đó rồi đi bộ ra đường số 7, khu đô thị K, phường V1, thành phố B, tỉnh Thái Bình gọi 01 xe taxi nhãn hiệu KIA Morning, BKS 17A-112.93 của hãng xe taxi Mai Linh do anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1988; trú tại: đường số 6, khu đô thị K, phường V1, thành phố B, tỉnh Thái Bình là lái xe. Bị cáo T thuê anh Nguyễn Thế A chở chiếc két sắt lấy được đi, còn chiếc xe đạp của trẻ em bị cáo T để lại ở ngõ 350, đường V, sau đó bị cáo T yêu cầu anh Thế A điều khiển xe taxi chở đi một số đường, khi đi đến khu vực khách sạn X trên đường Y, thành phố B thì bị cáo T xuống xe taxi lấy két sắt xuống vệ đường và thanh toán 35.000 đồng tiền cước xe taxi cho anh Thế A. Lúc này bị cáo T biết anh trai mình là Vũ Duy T5, sinh năm 1962, trú tại: Số nhà 09, ngõ 73, đường C, tổ 8, phường P3, thành phố B, tỉnh Thái Bình thường xuyên uống rượu say ngủ, nên bị cáo T thuê một người chở xe ôm, bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này, bảo người này chở chiếc két sắt cùng với bị cáo đến nhà ông T5 là anh trai của bị cáo, với mục đích để cất giấu chiếc két sắt vừa lấy được. Khi đi đến gần ngã tư đường C giao cắt với đường Q, bị cáo T yêu cầu người chở xe ôm dừng lại, bị cáo xuống xe bê chiếc két sắt xuống để trên vỉa hè và thanh toán trả tiền xe ôm hết 30.000 đồng, rồi sau đó đi bộ vào nhà ông T5. Khi vào đến nhà ông T5 bị cáo T thấy ông T5 đang nằm ngủ, bị cáo T lấy 01 xe đạp mini màu xám bạc để trong nhà ông T5 đi ra chỗ để két sắt, rồi nhờ anh Ngô Văn D, sinh năm 1986, trú tại: Số

nhà 85, đường C, tổ 8, phường P3, thành phố B, tỉnh Thái Bình bê hộ chiếc két sắt lên xe đạp rồi bị cáo T chở chiếc két sắt vừa lấy được về nhà ông T5, rồi cho két sắt vào bao xác rắn màu đen xám giấu dưới gầm bàn kê ở sân. Xong xuôi bị cáo T đi bộ ra khu vực chợ V1 lấy chiếc xe đạp đã gửi ở đó và đi về nhà. Quá trình vận chuyển chiếc két sắt bị cáo T đã đánh rơi 02 ổ khóa chống cắt của nhà chị M và anh T4 và chùm chìa khóa, chiếc xe đạp trẻ em màu hồng của nhà chị M và anh T4, bị cáo T làm mất không thu giữ được. Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, chị Hoàng Thị M đi làm về phát hiện mất tài sản trình báo Cơ quan Công an thành phố B, qua điều tra đến ngày 20-11-2020, Cơ quan điều tra Công an Thành phố đã thu giữ tại nhà của ông Vũ Duy T5 01 két sắt làm bằng kim loại, màu xám, mặt két có logo AN PHAT VIET TIEP, kích thước (46x36x35)cm, tại ổ khóa của két sắt có cắm một chìa khóa bị cáo T thừa nhận đây là chiếc két sắt đã lấy được trong nhà của chị M và anh T4 vào khoảng 13 giờ, ngày 16-11-2020. Cơ quan Công an làm các thủ tục để mở chiếc két sắt, kiểm tra bên trong két sắt có 400 tờ tiền Việt Nam đều có mệnh giá 500.000 đồng; 100 tờ tiền loại tiền Đô la Mỹ đều có mệnh giá 100 USD; 07 nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng; 01 vòng tay làm bằng kim loại màu vàng; 05 đoạn trụ hình cong, rỗng làm bằng kim loại màu vàng; 03 vòng tay làm bằng kim loại màu trắng và một số giấy tờ, sổ sách, bằng cấp làm bằng giấy. Cơ quan Công an đã tiến hành niêm phong số tài sản này và gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 124/KLGĐTL-PC09, ngày 27-11-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “400 tờ tiền Việt Nam đồng có mệnh giá 500.000 đồng là tiền thật”.

Tại bản kết luận số: 124/KLGĐTL-PC09 ngày 27-11-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “100 tờ tiền mệnh giá 100 USD series 2009A là tiền thật”.

Công văn số: 129/2020/CV/AJC, ngày 23-11-2020 của Công ty cổ phần vàng bạc đá quý ASEAN giám định kim loại màu vàng, màu trắng, xác định 07 nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng; 01 vòng tay bằng kim loại màu vàng; 05 đoạn trụ hình cong, rỗng làm bằng kim loại màu vàng; 03 vòng tay làm bằng kim loại màu trắng là vàng, bạc trang sức, có tổng trị giá là 73.921.000 đồng,

Công văn số: 517/THB-THNS, ngày 23-11-2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Thái Bình, xác nhận tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đồng USD áp dụng cho ngày 16-11-2020 là 01 USD/23.184 VNĐ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 47/KL-ĐG-HĐĐG, ngày 04-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc két sắt mini trị giá 1.100.000 đồng; 02 ổ khóa chống cắt là 300.000 đồng; 01 chiếc xe đạp trẻ em là 55.000 đồng. Tổng là 1.455.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà Vũ Thị T đã chiếm đoạt được của chị Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4 là: 507.216.000 đồng.

Số tài sản cùng với giấy tờ, tài liệu, bằng cấp trong két sắt mà bị cáo T đã chiếm đoạt được ngày 22-01-2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 01, bằng hình thức trả lại cho bị hại chị Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4, chị M và anh T4 đã nhận lại đủ số tài sản này. Ngày 02-4-2021, gia đình của bị cáo T đã nộp 355.000 đồng để bồi thường trị giá 02 ổ khóa chống cắt và 01 chiếc xe đạp của trẻ em mà bị cáo T chiếm đoạt được của nhà chị M và anh T4 nhưng bị cáo đã làm mất không thu hồi lại được.

Bản cáo trạng số: 20/CT-VKSB, ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm b và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Thị T từ 10 năm đến 11 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20-11-2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo T tranh luận: Do sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại đã tạo điều kiện thuận lợi để bị cáo thực hiện tội phạm, mặt khác do sự hiểu biết về pháp luật bị cáo còn hạn chế, vì lòng tham nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, do tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, do bị cáo có tác động nên gia đình của bị cáo đã nộp số tiền 355.000 đồng để bồi thường trị giá những tài sản bị cáo đã chiếm đoạt được nhưng đã làm mất không thu hồi được, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất dưới khung hình phạt của khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa. Bị hại chị M và anh T4 tranh luận, chị M và anh T4 cho rằng bị cáo T lợi dụng quen biết nên đã đến nhà quan sát, lên kế hoạch và có sự chuẩn bị rất công phu để vào nhà chiếm đoạt tài sản, chị M và anh T4 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm hành vi phạm tội của bị cáo theo đúng quy định của pháp luật, về bồi thường thiệt hại chị M và anh T4 đồng ý nhận lại trị giá bồi thường 02 ổ khóa chống cắt và chiếc xe đạp của trẻ em mà bị cáo T đã chiếm đoạt nhưng không thu hồi được bằng tiền cụ thể là

355.000 đồng, còn chiếc két sắt mini bị cáo T chiếm đoạt được của chị M và anh T4 đã được thu hồi đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật. Chị M và anh T4 không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm. Bị cáo T nói lời sau cùng, bị cáo biết hành vi của bị cáo đã thực hiện là có tội, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Việc ban hành các quyết định tố tụng đúng quy định của pháp luật. Bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị hại, người làm chứng không khiếu nại gì. Vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Do quen biết từ trước và lợi dụng sơ hở của gia đình chị Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4, bị cáo Vũ Thị T đã đến nhà chị M và anh T4 lấy chùm chìa khóa nhà mang đi thuê người đánh ra một chùm chìa khóa khác tương tự như chùm chìa khóa của nhà chị M và anh T4 với mục đích khi chị M anh T4 vắng nhà thì bị cáo T dùng chìa khóa này để mở cổng, mở cửa nhà chị M và anh T4 để vào nhà trộm cắp tài sản. Khoảng 13 giờ ngày 16-11-2020 thấy nhà của chị M và anh T4 không có ai ở trong nhà, cửa cổng và cửa nhà được khóa bằng ổ khóa chống cắt, bị cáo T đã sử dụng chùm chìa khóa mà bị cáo thuê người làm ra trước đó để mở cổng mở cửa lên vào trong nhà của chị M và anh T4 để lấy đi 01 két sắt bên trong có 400 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng có tổng trị giá 200.000.000 đồng; 100 tờ tiền đô la (USD) của Mỹ mệnh giá 100 USD có tổng trị giá 231.840.000 đồng; 07 nhẫn bằng vàng; 01 vòng tay bằng vàng, 05 đoạn trụ bằng vàng, 03 vòng tay bằng bạc có tổng trị giá 73.921.000 đồng, 02 ổ khóa chống cắt và 01 xe đạp trẻ em có tổng trị giá 1.455.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo Vũ Thị T đã chiếm đoạt được của chị Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4 là 507.216.000 đồng. Hành vi của bị cáo Vũ Thị T đã thực hiện được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của bị hại chị Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4 (Bút lục từ số 02 đến số 06; từ số 159 đến số 176); Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường lập hồi 18 giờ 30 phút ngày 16-11-2020 tại gia đình chị Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4, số nhà 16A, ngõ 356, đường V, tổ 10, phường V1, thành phố B (Bút lục từ 15 đến số 18); Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường lập hồi 19 giờ 30 phút ngày 20-11-2020 tại gia đình ông Vũ Duy T5, số nhà 09, ngõ 73, đường C, tổ 8, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình (Bút lục từ số 19 đến số 22); Biên bản khám xét chỗ ở của bị cáo T (Bút lục số 55, 56); Biên bản khám xét tại gia đình ông Vũ Duy T5, số nhà 09, ngõ 73, đường C, tổ 8, phường P3, thành phố B, tỉnh Thái Bình.và các biên bản niêm phong tài liệu, đồ vật bị

tạm giữ (Bút lục từ số 57 đến số 59); Bản kết luận giám định số: 123/KLGĐTL-PC09, ngày 27-11-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, giám định số tiền Việt Nam đồng quản lý trong két sắt thu giữ tại gia đình ông Vũ Duy T5 (Bút lục số 71); Bản kết luận giám định số: 124/KLGĐTL-PC09, ngày 27-11-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình giám định số tiền USD (Mỹ) quản lý trong két sắt thu giữ tại gia đình ông Vũ Duy T5 (Bút lục số 84); Công văn số: 129/2020/CV/AJC ngày 23-11-2020 của Công ty cổ phần vàng bạc đá quý ASEAN, giám định kim loại màu vàng trong két sắt thu giữ tại gia đình ông Vũ Duy T5 (Bút lục số 89); Công văn số: 51 ngày 23-11-2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Thái Bình cung cấp tỷ giá ngoại tệ USD, Đôla Mỹ ngày 16-11-2020 với tiền đồng của Việt Nam (Bút lục số 77); Kết luận định giá tài sản số: 47, ngày 04-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B (Bút lục số 104); Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Duy T5, sinh năm 1962, Số nhà 09, ngõ 73, đường C, tổ 8, phường P3, thành phố B, tỉnh Thái Bình. (Bút lục số 239, 240); Lời khai của những người làm chứng là chị Nguyễn Thị Hồng M1, sinh năm 1990, trú tại phường V1, thành phố B, tỉnh Thái Bình (Bút lục số 227, 228); anh Nguyễn Thế Anh, sinh năm 1988, trú tại đường số 6, khu đô thị G, thành phố B (Bút lục từ số 229 đến số 232); anh Ngô Văn Doanh, sinh năm 1986, trú tại số nhà 85 đường C, tổ 8, phường P3, thành phố B (Bút lục từ số 233 đến số 236). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi mà bị cáo Vũ Thị T đã thực hiện đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

...

3...

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tù từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị T đã thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ gây hoang mang dao động trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần áp dụng Điều 38, Điều

50 và điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo T, buộc bị cáo T phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo T trở thành người có ích cho xã hội và qua đó cùng để phòng ngừa, đấu tranh, chống tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo Vũ Thị T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Vũ Thị T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả. Bố và mẹ của bị cáo Vũ Thị T đều được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Vì vậy, bị cáo Vũ Thị T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Do bị cáo Vũ Thị T là người lao động tự do, không có tài sản gì. Hội đồng xét xử thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã thu hồi và trả lại toàn bộ có 400 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng có tổng trị giá 200.000.000 đồng; 100 tờ tiền đô la (USD) của Mỹ mệnh giá 100 USD có tổng trị giá 231.840.000 đồng; 07 nhẫn bằng vàng; 01 vòng tay bằng vàng, 05 đoạn trụ bằng vàng, 03 vòng tay bằng bạc có tổng trị giá 73.921.000 đồng cho bị hại chị Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4, chị M và anh T4 đã nhận lại đủ số tài sản này vào ngày 24-01-2021. Đối với 02 ổ khóa chống cắt và 01 chiếc xe mini trẻ em màu hồng mà bị cáo T đã chiếm đoạt được của chị M và anh T4, bị cáo T đã làm mất không thu lại được, tài sản này có trị giá là 355.000 đồng, ngày 02-4-2021 bị cáo T và gia đình đã nộp số tiền 355.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình để bồi thường cho bị hại. Tại phiên Tòa bị hại chị M và anh T4 đồng ý nhận lại số tiền bồi thường này, cần tuyên trả cho chị M và anh T4 số tiền này, ngoài ra bị hại chị M và anh T4 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

[7] Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01 kết sắt màu xám, mặt kết có lô gô AN PHAT VIET TIEP, kích thước (46x36x35)cm đã hư hỏng, chiếc kết sắt là tài sản của chị M và anh T4, cần trả lại cho chị M và anh T4. Đối với 01 chiếc xe đạp mini màu đen phân giá để đồ phía sau có buộc 01 ghế ngồi trẻ em thu được của bị cáo T, xét thấy xe đạp này bị cáo dùng làm phương tiện đi lại để thực hiện tội phạm cần tịch thu hóa giá để sung quỹ nhà nước. Đối với 01 chiếc xe đạp mini màu xám thu được tại nhà ông Vũ Duy T5 là tài sản của ông T5, xét thấy chiếc xe đạp này bị cáo T lấy để chở chiếc kết sắt trộm cắp được vào nhà ông T5 cất giấu, nhưng ông T5 không biết bị cáo T lấy xe đạp lúc nào và bị cáo T cũng không nói gì với ông T5 về việc lấy xe đạp để chở

chiếc kết sắt trộm cắp được vào nhà ông T5 cất giấu, nên cần trả lại cho ông T5 chiếc xe đạp mini này. Đối với 01 bao xác rắn màu đen có kẻ sọc xanh và 01 mảnh áo ni lông màu xanh có chấm bi là vật chứng của vụ án nhưng đã cũ hỏng không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 áo len nữ dài tay màu vàng cổ tròn, 01 quần vải màu đen, 01 nón lá hình chóp và 01 đôi dép nhựa màu xanh đen thu được của bị cáo T, tại phiên Tòa bị cáo T đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với các tài sản này vì những tài sản này không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Trước khi mở phiên tòa bị cáo T và gia đình đã tự nguyện nộp 355.000 đồng để bồi thường thiệt hại, bị cáo T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 và Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 12(mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 11 năm 2020.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4 ngày 24-01-2021 đã được nhận lại số tài sản bị chiếm đoạt gồm: 400 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng có tổng trị giá 200.000.000 đồng; 100 tờ tiền đô la (USD) của Mỹ mệnh giá 100 USD có tổng trị giá 231.840.000 đồng; 07 nhẫn bằng vàng, 01 vòng tay bằng vàng, 05 đoạn trụ bằng vàng và 03 vòng tay bằng bạc có tổng trị giá 73.921.000 đồng, chị Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4 không yêu cầu giải quyết về số tài sản này, nên không đặt ra giải quyết. Trả lại cho bị hại chị Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4 số tiền 355.000 đồng tại biên lai thu số: 0002001, ngày 02-4-2021 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình.

5. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị hại Hoàng Thị M và anh Lê Văn T4 01 kết sắt màu xám, mặt kết có lô gô AN PHAT VIET TIEP, kích thước (46x36x35)cm. Trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vũ Duy T5 01 chiếc xe đạp mini màu xám. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe đạp mini màu đen phần giá để đồ phía sau có buộc 01 ghế ngồi trẻ em. Tịch thu tiêu hủy 01 bao xác rắn màu đen có kẻ sọc xanh, 01 mảnh áo ni lông màu xanh có chấm bi, 01 áo len nữ dài tay màu vàng cổ tròn, 01 quần vải màu đen, 01 nón lá hình chóp và 01 đôi dép nhựa màu xanh đen.

5. Về án phí: Bị cáo Vũ Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- CA tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Bằng